

Số: 54/2019/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 11 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 90/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Vì Văn B, sinh năm 1987. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: B, xã B1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Lò Thị M, sinh năm 1991. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: B, xã B1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên B ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên B ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên B ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vì Văn B và chị Lò Thị M.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Anh Vì Văn B và chị Lò Thị M nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Anh B và chị M có 02 con chung là cháu Vì Trường S, sinh ngày 28/5/2011, cháu Vì Thị Kiều A, sinh ngày 30/12/2012. Giao cháu S cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), giao cháu

A cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, các bên được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản các bên thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh B, chị M không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

d. Về án phí: Anh B chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0002184 ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Anh B được nhận lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) đồng chẵn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã B1;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Nga